

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 63

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng quản trị

Ông Lê Vinh Hiển	Chủ tịch
Ông Trần Hoàng Huân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
Ông Vũ Huy Giáp	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Trương Bích Huyền	Trưởng ban
Ông Phan Trọng Liêm	Thành viên
Bà Phạm Thị Xuân Lan	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Hoàng Huân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Huy Giáp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Trần Hoàng Huân, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUẤN - Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 28 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2018, từ trang 6 đến trang 63, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2018

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt *Handwritten signature*



VÕ THẾ HOÀNG - Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018	31/12/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		493.174.227.842	510.178.188.862
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	128.544.909.316	130.922.245.694
1. Tiền	111		17.870.633.814	35.184.863.452
2. Các khoản tương đương tiền	112		110.674.275.502	95.737.382.242
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.130.757.779	37.854.563.187
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	21.130.757.779	37.854.563.187
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		172.236.639.831	202.639.927.855
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	153.064.405.389	177.408.400.966
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.631.894.921	11.332.244.423
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	V.5	2.778.172.636	3.052.783.288
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	29.259.031.838	34.083.824.948
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(20.496.864.953)	(23.237.325.770)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	164.836.538.270	137.962.672.598
1. Hàng tồn kho	141		165.203.978.852	138.330.113.180
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(367.440.582)	(367.440.582)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.425.382.646	798.779.528
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	121.388.447	214.772.727
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.676.440.974	494.103.025
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	627.553.225	89.903.776
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		367.261.753.028	350.772.598.460
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		108.900.000	105.900.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	108.900.000	105.900.000
II. Tài sản cố định	220		292.625.199.815	186.034.433.613
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	287.680.148.390	183.865.164.363
Nguyên giá	222		482.648.325.823	388.227.616.376
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(194.968.177.433)	(204.362.452.013)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4.945.051.425	2.169.269.250
Nguyên giá	228		5.670.521.360	2.821.818.560
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(725.469.935)	(652.549.310)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	1.404.725.504	1.536.418.520
Nguyên giá	231		1.580.316.192	1.580.316.192
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(175.590.688)	(43.897.672)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		45.259.204.718	121.359.332.040
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	45.259.204.718	121.359.332.040
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		13.485.706.416	22.990.141.034
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	327.553.785	349.586.034
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	13.158.152.631	22.640.555.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.378.016.575	18.746.373.253
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	8.713.766.110	9.583.558.000
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	5.664.250.465	9.162.815.253
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		860.435.980.870	860.950.787.321

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018	31/12/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		548.134.829.036	539.286.633.474
I. Nợ ngắn hạn	310		424.545.022.767	422.397.109.705
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	126.583.421.014	114.346.991.599
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	54.804.274.336	42.719.127.507
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	11.284.563.480	10.394.301.801
4. Phải trả người lao động	314		13.299.205.748	23.722.681.917
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	39.062.477.842	49.766.540.411
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	3.170.909.091	24.021.714.199
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	2.147.696.721	13.654.312.365
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	150.312.816.946	132.744.733.913
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	4.862.455.154	5.709.895.345
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	19.017.202.435	5.316.810.648
II. Nợ dài hạn	330		123.589.806.269	116.889.523.769
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	427.000.000	225.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	123.162.806.269	116.664.523.769
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		312.301.151.834	321.664.153.847
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	312.301.151.834	321.664.153.847
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.997.690.000	119.999.070.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>131.997.690.000</i>	<i>119.999.070.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.700.930.000	5.700.930.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		62.982.165.580	44.990.117.493
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		106.095.205.248	146.662.230.498
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>65.405.903.535</i>	<i>53.810.476.571</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>40.689.301.713</i>	<i>92.851.753.928</i>
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.525.161.006	4.311.805.856
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		860.435.980.870	860.950.787.321



TRẦN HOÀNG HUÂN
Tổng Giám đốc


LÊ MỸ PHƯỢNG
Kế toán trưởng


LÊ MỸ PHƯỢNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

MÃU B02a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Từ 01/01/2017

đến 30/6/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		422.957.442.757	423.590.645.373
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.777.356.364	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	419.180.086.393	423.590.645.373
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	315.589.397.214	308.736.699.119
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		103.590.689.179	114.853.946.254
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.222.886.078	5.641.137.421
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.314.027.034	2.933.409.961
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.312.640.707	2.933.409.961
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	44.066.798	49.992.544
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	36.369.893.725	31.901.650.105
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.959.184.403	19.806.863.221
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		51.214.536.893	65.903.152.932
12. Thu nhập khác	31		1.702.725.942	334.943.341
13. Chi phí khác	32		201.112.312	1.343.144.538
14. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.7	1.501.613.630	(1.008.201.197)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		52.716.150.523	64.894.951.735
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	9.477.105.524	11.536.905.361
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14	2.024.582.280	641.697.394
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		41.214.462.719	52.716.348.980
<u>Trong đó:</u>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		40.689.301.713	53.149.059.348
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		525.161.006	(432.710.368)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	3.168	4.163
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	3.168	4.163



TRẦN HOÀNG HUÂN
Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯỢNG
Kế toán trưởng

LÊ MỸ PHƯỢNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B03a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Từ 01/01/2017

đến 30/6/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		52.716.150.523	64.894.951.735
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		15.192.455.628	10.706.645.321
- Các khoản dự phòng	03		(945.174.306)	6.586.502.364
- Lãi/ (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.386.327	(6.735.255)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.719.109.205)	(5.684.394.710)
- Chi phí lãi vay	06		7.312.640.707	2.933.409.961
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		68.558.349.674	79.430.379.416
- Giảm/ (Tăng) các khoản phải thu	09	VII	8.037.174.211	(8.556.192.207)
- (Tăng) hàng tồn kho	10		(30.374.336.057)	(12.143.575.178)
- (Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	(16.599.463.439)	(2.545.013.389)
- Giảm/ (Tăng) chi phí trả trước	12		103.887.878	(1.182.737.131)
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(9.117.129.494)	(4.067.627.254)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.238.169.768)	(8.038.690.498)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.142.628.000)	(2.637.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.227.685.005	40.259.143.759
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(53.377.970.279)	(79.430.961.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		603.697.272	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.619.289.776)	(3.742.901.154)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		42.625.497.553	32.259.582.292
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	VII	10.084.100.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII	3.977.873.841	6.339.011.626
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.706.091.389)	(44.575.269.145)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	VII	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		237.715.173.122	269.226.522.823
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(213.648.807.589)	(225.752.894.334)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	(23.963.909.200)	(35.999.721.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		102.456.333	7.473.907.489
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.375.950.051)	3.157.782.103
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		130.922.245.694	101.890.778.581
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.386.327)	6.735.255
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.I	128.544.909.316	105.055.295.939



Tiền Giang, ngày 28 tháng 8 năm 2018

TRẦN HOÀNG HUÂN
 Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯỢNG
 Kế toán trưởng

LÊ MỸ PHƯỢNG
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

MẪU B09a-DN/HN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (tên tiếng Anh là Tien Giang Investment and Construction Joint Stock Company, tên viết tắt là TICCO) tiền thân là Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang, được cổ phần hóa theo Quyết định số 5017/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2003. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5303000020 (số mới là 1200526842) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi đến lần thứ 14 ngày 17 tháng 5 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 28 tháng 7 năm 2011 với mã chứng khoán là THG.

- **Vốn điều lệ** : 131.997.690.000 VND

Số cổ phiếu : 13.199.769 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

Vốn điều lệ của Công ty được chuẩn y tăng từ 119.999.070.000 VND lên 131.997.690.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp đăng ký thay đổi đến lần thứ 15 ngày 12 tháng 7 năm 2018.

- **Trụ sở hoạt động**

Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

Điện thoại : (0273) 3 872 878

Fax : (0273) 3 850 597

Website : www.ticco.com.vn

Email : ticco@ticco.com.vn

Mã số thuế : 1200526842

Chi nhánh

Tên Chi nhánh : Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sân Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOReal)

Địa chỉ : Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

Mã số thuế : 1200526842-007

Xí nghiệp trực thuộc

Tên xí nghiệp : Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Địa chỉ : Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, thương mại, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đầu thầu, giám sát;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.
- Bán buôn chuyên doanh khác. Chi tiết kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Cho thuê xe có động cơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ, 5 công ty con cấp 1 và 1 công ty con cấp 2 chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 1 công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ, 1 Chi nhánh và 1 Xí nghiệp hạch toán phụ thuộc. Tất cả các công ty con và công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Chi tiết như sau:

Công ty con cấp 1

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOC	Lô 1-6 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất, kinh doanh bê tông	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng TICCOC	Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Thi công xây dựng công trình thủy lợi	66,67%	66,67%
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCOC	Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Thi công xây dựng công trình thủy lợi	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCOC	Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Gia công cơ khí công trình	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCOC	Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Kinh doanh vật liệu xây dựng	100,00%	100,00%

Công ty con cấp 2

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Cọc TICCOC	Áp 1, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang	Đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực	100,00%	100,00%

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Testco	Lô 1, 2, 3 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã	Thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm	20%	20%

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	chất lượng công trình		

Chi nhánh và Xí nghiệp trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sàn Giao dịch Bất động sản TICCOC (TICCOCReal)	Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Kinh doanh bất động sản
Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng	Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Kinh doanh vật liệu xây dựng

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty (bao gồm nhân viên của các công ty con) tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 474 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 521 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 thuộc kỳ kế toán năm thứ 15 của Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

4. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

5. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính giữa niên độ sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Khi Công ty thực hiện giao dịch với công ty liên kết, nếu phát sinh lãi, Công ty chỉ ghi nhận khoản lãi tương ứng phần sở hữu của các bên khác trong công ty liên kết. Khoản lãi chưa thực hiện tương ứng với phần sở hữu của Công ty vào công ty liên kết được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Ngược lại, khi công ty liên kết thực hiện giao dịch với Công ty, nếu phát sinh lãi, Công ty không được ghi nhận phần lãi tương ứng với phần sở hữu của Công ty từ giao dịch đó.

6. Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại (lợi thế thương mại âm) là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

7. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

10. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm phải thu về bán vật liệu xây dựng, phải thu về bán bê tông, phải thu thi công công trình xây dựng

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thủy lợi, thi công cơ giới, phải thu về sửa chữa, gia công cơ khí và phải thu về chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, tạm ứng cổ tức; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản phải thu không mang tính thương mại như tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

11. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

12. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 - 30
Máy móc thiết bị	2 - 20
Phương tiện vận tải	3 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản khác	5 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

13. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Công ty không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

14. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là các ki ốt do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư do Công ty tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong thời gian 6 năm.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, và phí lãi vay.... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào "Chi phí trả trước dài hạn" để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện chi phí trả trợ cấp mất việc, chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa và giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và chi phí khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 6 năm.

17. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, nhận giá trị công trình thi công, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: phải trả cổ tức; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; nhận ký quỹ, ký cược; phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,... và các khoản phải trả khác.

18. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chi phí bảo hành sản phẩm, công trình xây dựng/ cơ khí

Dự phòng cho bảo hành được lập cho từng loại sản phẩm, công trình xây dựng/ cơ khí có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính từ 1% đến 5% trên doanh thu các sản phẩm, công trình xây dựng/ cơ khí có yêu cầu bảo hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

20. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu nói trên, các khoản tiền thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào chỉ tiêu người mua trả tiền trước trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về Hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

21. Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

23. Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng

Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất, nhà và các chi phí khác có liên quan được phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Các chi phí về đất và phát triển đất;
- Các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng;
- Các chi phí khác có liên quan phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản như các chi phí phát sinh từ hoạt động phát triển đất và công trình trên đất hiện tại và trong tương lai của dự án (như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung và chi phí phát triển quỹ đất bắt buộc dành cho các mục đích công cộng,...).

24. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

25. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

26. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

27. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

28. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể, có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2018	31/12/2017
Tiền mặt	232.651.388	679.267.816
Tiền gửi ngân hàng (i)	17.637.982.426	34.505.595.636
Các khoản tương đương tiền (ii)	110.674.275.502	95.737.382.242
Cộng	128.544.909.316	130.922.245.694

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số V.21, số dư tiền gửi ngân hàng của Công ty và công ty con (Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOT) là 13.828.421.569 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 31.760.477.172 VND) đã được đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang.

(ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,1%/năm đến 5,7%/năm (năm 2017: từ 4,3%/năm đến 5,2%/năm).

Trong số dư tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang là 3.620.995.035 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.290.384.101 VND), đã được bảo đảm cho các khoản bảo lãnh ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.22).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang 1.861.581.654 VND được bảo đảm mở L/C nhập khẩu khuôn D350.

2. Các khoản đầu tư tài chính

	30/6/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
<i>Ngắn hạn</i>	<i>21.130.757.779</i>	<i>21.130.757.779</i>	<i>37.854.563.187</i>	<i>37.854.563.187</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	21.130.757.779	21.130.757.779	37.854.563.187	37.854.563.187
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	12.174.129.244	12.174.129.244	12.160.479.579	12.160.479.579
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang	8.956.628.535	8.956.628.535	24.494.083.608	24.494.083.608
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	30/6/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Dài hạn	13.158.152.631	13.158.152.631	22.640.555.000	22.640.555.000
Tiền gửi có kỳ hạn	13.158.152.631	13.158.152.631	22.640.555.000	22.640.555.000
Ngân hàng TMCP				
Đầu tư và Phát triển				
Việt Nam - Chi				
nhánh Tiền Giang	13.158.152.631	13.158.152.631	22.640.555.000	22.640.555.000
Cộng	34.288.910.410	34.288.910.410	60.495.118.187	60.495.118.187

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm (ngắn hạn) và trên 1 năm (dài hạn) tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,1%/năm đến 6,7%/năm (năm 2017: từ 5,3%/năm đến 6,5%/năm).

Trong đó, số dư tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang là 3.493.583.833 VND, trong đó ngắn hạn: 2.345.665.048 VND và dài hạn: 1.147.918.785 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 8.833.251.029 VND, trong đó ngắn hạn: 2.284.454.362 VND và dài hạn: 6.548.796.667 VND), đã được bảo đảm cho các khoản bảo lãnh ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.22).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm (dài hạn) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang 1.262.233.846 VND được bảo đảm mở L/C nhập khẩu khuôn D350.

	30/6/2018	31/12/2017
b) Đầu tư vào công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Testco	327.553.785	349.586.034
Cộng	327.553.785	349.586.034

Đầu tư vào công ty liên kết phản ánh giá trị đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Testco với giá trị vốn góp là 260.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ của công ty này. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Testco là thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình.

Chi tiết về giá trị đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	30/6/2018	31/12/2017
Đầu tư vào công ty liên kết	260.000.000	260.000.000
Phần lợi nhuận, cổ tức được chia đã ghi nhận	67.553.785	89.586.034
Cộng	327.553.785	349.586.034

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết được trình bày như sau:

	30/6/2018	31/12/2017
Tổng tài sản	1.782.287.856	1.962.225.826
Tổng công nợ	144.518.930	209.233.621
Tài sản thuần	1.637.768.926	1.752.992.205
Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết	327.553.785	350.598.442
Ảnh hưởng điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện của công ty liên kết bán hàng/ cung cấp dịch vụ trong kỳ/ năm	-	(1.012.408)
Phần tài sản thuần đầu tư vào công ty liên kết	327.553.785	349.586.034

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin kết quả hoạt động kinh doanh tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Doanh thu thuần	828.013.181	901.203.727
Lợi nhuận thuần	215.271.952	162.261.526
Phần lợi nhuận được chia từ kết quả kinh doanh của công ty liên kết	43.054.390	32.452.305
Ảnh hưởng điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện của công ty liên kết bán hàng/ cung cấp dịch vụ trong kỳ	1.012.408	17.540.239
Phần lợi nhuận được chia từ khoản đầu tư vào công ty liên kết sau khi hợp nhất	44.066.798	49.992.544

3. Phải thu của khách hàng

	30/6/2018	31/12/2017
Phải thu khách hàng bán vật liệu xây dựng	4.043.391.615	3.909.797.400
Phải thu khách hàng bán bê tông	109.364.525.807	106.909.192.557
Phải thu khách hàng thi công công trình xây dựng	31.736.677.217	58.802.856.361
Phải thu khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí	7.039.337.680	4.687.263.540
Phải thu khách hàng thi công cơ giới	-	63.936.438
Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	880.473.070	3.035.354.670
Cộng	153.064.405.389	177.408.400.966

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng của Công ty và công ty con (Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOC) là 142.935.235.600 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 158.630.852.046 VND), đã được đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.21).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước cho người bán kinh doanh vật liệu xây dựng	5.500.000	166.880.200
Trả trước cho người bán bê tông	313.301.815	8.139.195.805
Trả trước cho người bán thi công công trình xây dựng	4.762.250.567	1.454.295.900
Trả trước cho người bán sửa chữa, gia công cơ khí	888.253.773	92.162.818
Trả trước cho người bán liên quan đến hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1.662.588.766	1.479.709.700
Cộng	7.631.894.921	11.332.244.423

5. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Xây dựng Vận tải Vinh Phát	-	274.610.652
Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập	652.955.005	652.955.005
Ban QLDA ĐT huyện Châu Thành	2.125.217.631	2.125.217.631
Cộng	2.778.172.636	3.052.783.288

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Phải thu khác**

	30/6/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	29.259.031.838	(10.500.000)	34.083.824.948	(265.668.853)
Sở Tài chính tỉnh An Giang	-	-	255.168.853	(255.168.853)
Lãi tiền gửi phải thu	1.882.594.833	-	1.890.049.492	-
Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Gò Công Đông	3.529.020.000	-	3.529.020.000	-
Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã Gò Công	328.190.000	-	328.190.000	-
Tạm ứng nhân viên	22.365.879.437	-	15.245.438.451	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.153.347.568	(10.500.000)	12.835.958.152	(10.500.000)
b) Dài hạn	108.900.000	-	105.900.000	-
Ký quỹ vỏ chai oxy	108.900.000	-	105.900.000	-
Cộng	29.367.931.838	(10.500.000)	34.189.724.948	(265.668.853)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	30/6/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	26.906.969.349	6.820.007.896	29.470.201.208	6.897.947.791
Phải thu khách hàng bán vật liệu xây dựng	611.982.200	340.942.060	348.258.900	224.375.430
Phải thu khách hàng bán bê tông	21.132.011.124	6.475.430.336	19.737.904.683	5.839.274.961
Phải thu khách hàng thi công công trình xây dựng	4.006.094.415	3.635.500	7.395.254.415	834.297.400
Phải thu khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí	276.408.540	-	276.408.540	-
Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	880.473.070	-	1.712.374.670	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	399.403.500	-	399.403.500	-
Trả trước cho người bán thi công công trình xây dựng	283.907.000	-	283.907.000	-
Trả trước cho người bán hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất	115.496.500	-	115.496.500	-
Phải thu ngắn hạn khác	10.500.000	-	265.668.853	-
Phải thu khác	10.500.000	-	265.668.853	-
Cộng	27.316.872.849	6.820.007.896	30.135.273.561	6.897.947.791
		(20.496.864.953)		(23.237.325.770)

Thông tin về khoản nợ xấu bao gồm:

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng, xây dựng, cung cấp dịch vụ, chuyển nhượng quyền sử dụng đất,... các khoản trả trước người bán hay các khoản phải thu khác... đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

8. Hàng tồn kho

	30/6/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	32.842.859.226	-	30.111.793.011	-
Công cụ, dụng cụ	259.889.231	-	857.758.003	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	86.584.199.485	(367.440.582)	67.081.435.095	(367.440.582)
Thành phẩm	44.373.966.948	-	38.365.280.855	-
Thành phẩm bê tông đúc sẵn	31.389.950.502	-	25.292.063.659	-
Thành phẩm bất động sản (i) (ii)	12.984.016.446	-	13.073.217.196	-
Hàng hóa	1.143.063.962	-	1.913.846.216	-
Cộng	165.203.978.852	(367.440.582)	138.330.113.180	(367.440.582)

(*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang như sau:

	30/6/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các công trình xây dựng	8.668.560.733	(367.440.582)	10.862.010.335	(367.440.582)
Các công trình thi công cơ khí	799.295.203	-	1.096.088.149	-
Các dự án bất động sản	77.116.343.549	-	55.123.336.611	-
Dự án KDC Lê Văn Phẩm (iii)	6.273.864.130	-	20.780.607.595	-
Dự án KDC Nguyễn Trãi	70.148.383.410	-	33.957.743.916	-
Dự án KDC Mỹ Thạnh Hưng	60.173.509	-	60.173.509	-
Dự án KDC Nguyễn Trọng Dân	633.922.500	-	324.811.591	-
Cộng	86.584.199.485	(367.440.582)	67.081.435.095	(367.440.582)

- (i) Thành phẩm bất động sản của Công ty bao gồm đất nền phân lô thuộc dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng, thị trấn Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.
- (ii) Như trình bày tại Thuyết minh số V.21, tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đã thế chấp tương ứng 9.610 m² và 7.351,8 m² quyền sử dụng đất của dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng để đảm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

bảo cho các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang và Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang.

(iii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đã thế chấp 2.034,1 m² quyền sử dụng đất của dự án Khu Dân cư Lê Văn Phẩm để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.21).

9. Chi phí trả trước

	30/6/2018	31/12/2017
a) Ngắn hạn	121.388.447	214.772.727
Công cụ, dụng cụ	75.650.447	-
Trợ cấp thôi việc	45.738.000	-
Chi phí thuê xà lan	-	214.772.727
b) Dài hạn	8.713.766.110	9.583.558.000
Công cụ, dụng cụ	8.638.477.110	8.572.940.909
Chi phí sửa chữa	31.534.000	944.984.591
Chi phí khác	43.755.000	65.632.500
Cộng	8.835.154.557	9.798.330.727

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động tài sản cố định hữu hình trong kỳ như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
01/01/2018	41.124.905.830	244.512.876.864	100.081.999.633	1.502.697.951	1.005.136.098	388.227.616.376
Tăng trong kỳ	82.719.698.542	28.036.162.328	12.284.500.928	35.272.727	-	123.075.634.525
Giảm trong kỳ	199.706.690	23.530.182.672	3.543.226.458	376.673.160	1.005.136.098	28.654.925.078
30/6/2018	123.644.897.682	249.018.856.520	108.823.274.103	1.161.297.518	-	482.648.325.823
Giá trị hao mòn lũy kế						
01/01/2018	16.066.822.324	142.829.640.466	43.517.988.887	1.243.017.847	704.982.489	204.362.452.013
Tăng trong kỳ	2.124.146.272	8.386.740.318	4.481.551.497	5.598.380	-	14.998.036.467
Giảm trong kỳ	199.706.690	20.207.816.597	2.903.132.111	376.673.160	704.982.489	24.392.311.047
30/6/2018	17.991.261.906	131.008.564.187	45.096.408.273	871.943.067	-	194.968.177.433
Giá trị còn lại						
01/01/2018	25.058.083.506	101.683.236.398	56.564.010.746	259.680.104	300.153.609	183.865.164.363
30/6/2018	105.653.635.776	118.010.292.333	63.726.865.830	289.354.451	-	287.680.148.390
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng:						
01/01/2018	3.029.997.104	29.719.146.356	7.393.360.008	749.988.487	-	40.892.491.955
30/6/2018	2.830.290.414	32.963.526.054	5.017.126.157	373.315.327	-	41.184.257.952
GTCL của TSCĐ đang thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (xem Thuyết minh số V.21):						
01/01/2018	19.095.145.798	77.541.083.670	51.415.444.627	264.632.702	-	148.316.306.797
30/6/2018	18.077.396.166	31.820.188.679	33.459.678.557	229.673.030	-	83.586.936.432

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm kế toán	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá			
01/01/2018	350.263.800	2.471.554.760	2.821.818.560
Tăng trong kỳ	-	2.848.702.800	2.848.702.800
<i>Kết chuyển chi phí sản xuất, kinh doanh sang</i>	-	2.848.702.800	2.848.702.800
Giảm trong kỳ	-	-	-
30/6/2018	350.263.800	5.320.257.560	5.670.521.360
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2018	233.509.200	419.040.110	652.549.310
Tăng trong kỳ	29.188.650	43.731.975	72.920.625
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	29.188.650	43.731.975	72.920.625
Giảm trong kỳ	-	-	-
30/6/2018	262.697.850	462.772.085	725.469.935
Giá trị còn lại			
01/01/2018	116.754.600	2.052.514.650	2.169.269.250
30/6/2018	87.565.950	4.857.485.475	4.945.051.425

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, các quyền sử dụng đất đang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang đã thế chấp 925,9 m² đất có giá trị còn lại là 2.833.220.721 VND tại Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, đang được sử dụng để làm văn phòng làm việc, để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.21).
- Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con) đã thế các quyền sử dụng đất có giá trị còn lại 2.024.264.754 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.052.514.650 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.21).

12. Bất động sản đầu tư

Chỉ tiêu	01/01/2018	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	30/6/2018
Nguyên giá	1.580.316.192	-	-	1.580.316.192
Giá trị hao mòn lũy kế	43.897.672	131.693.016	-	175.590.688
Giá trị còn lại	1.536.418.520	131.693.016	-	1.404.725.504

Đây là bất động sản đầu tư dùng để cho thuê thể hiện phần giá trị của các kì ốt tương ứng với phần diện tích Công ty cho thuê được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2018	31/12/2017
Mua sắm tài sản cố định (*)	16.336.687.974	20.788.217.130
Chi phí xây dựng cơ bản	28.922.516.744	100.070.831.212
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	500.283.698
Cộng	45.259.204.718	121.359.332.040

(*) Trong giá trị tài sản mua sắm tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm giá trị 1 xe tải hiệu Hyundai HD210 và 1 bơm bê tông Putzmeister 5.898.168.143 VND đang được dùng để thế chấp cho khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 04/2018/433488/HĐTD ngày 14 tháng 6 năm 2018 (khoản vay cho mục đích mua sắm các tài sản này) (xem Thuyết minh số V.21).

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và năm trước như sau:

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	Thoái vốn công ty con	Số cuối năm/ kỳ
Năm 2017				
Số tiền tạm thu hoạt động kinh doanh bất động sản	386.240.144	(74.419.937)	-	311.820.207
Chi phí phải trả hoạt động bất động sản	61.931.153	(61.931.153)	-	-
Chi phí phải trả hoạt động xây dựng	32.931.409	364.176.695	-	397.108.104
Chi phí dự phòng	1.128.604.341	(1.055.116.225)	-	73.488.116
Khấu hao TSCĐ	1.028.794.520	482.068.439	-	1.510.862.959
Chi phí phân bổ	295.836.348	(33.788.245)	-	262.048.103
Các khoản lỗ tính thuế Lãi (lỗ) chưa thực hiện khi hợp nhất	3.347.238.128	10.411.372	-	3.357.649.500
	2.973.046.661	276.791.603	-	3.249.838.264
Cộng	9.254.622.704	(91.807.451)	-	9.162.815.253
6 tháng đầu năm 2018				
Số tiền tạm thu hoạt động kinh doanh bất động sản	311.820.207	(287.056.092)	-	24.764.115
Chi phí phải trả hoạt động xây dựng	397.108.104	(358.854.577)	(38.253.527)	-
Chi phí dự phòng	73.488.116	-	-	73.488.116
Khấu hao TSCĐ	1.510.862.959	6.378.529	(1.393.249.102)	123.992.386
Chi phí phân bổ	262.048.103	(26.124.339)	(79.177.725)	156.746.039
Các khoản lỗ tính thuế Lãi (lỗ) chưa thực hiện khi hợp nhất	3.357.649.500	(1.151.565.197)	-	2.206.084.303
	3.249.838.264	(207.360.604)	36.697.846	3.079.175.506
Cộng	9.162.815.253	(2.024.582.280)	(1.473.982.508)	5.664.250.465

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 11.030.421.514 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 16.788.247.500 VND) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận với số tiền 2.206.084.303 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 3.357.649.500 VND) theo khoản lỗ trên.

Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	30/6/2018	31/12/2017	Ghi chú
2018	9.319.827.534	12.294.142.828	Lỗ tính thuế năm 2013
2020	1.710.593.980	1.710.593.980	Lỗ tính thuế năm 2015
2022	-	2.783.510.692	
Cộng	11.030.421.514	16.788.247.500	

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán vật liệu xây dựng	15.172.467.449	15.172.467.449	12.590.523.930	12.590.523.930
Phải trả người bán bê tông	91.016.455.632	91.016.455.632	78.871.829.132	78.871.829.132
Phải trả người bán thi công công trình xây dựng	13.503.886.400	13.503.886.400	17.433.086.041	17.433.086.041
Phải trả người bán sửa chữa, gia công cơ khí	2.676.139.852	2.676.139.852	4.753.865.432	4.753.865.432
Phải trả người bán thi công cơ giới	-	-	37.520.998	37.520.998
Phải trả người bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất	4.214.471.681	4.214.471.681	660.166.066	660.166.066
Cộng	126.583.421.014	126.583.421.014	114.346.991.599	114.346.991.599

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Phải trả người bán thi công công trình xây dựng	1.577.038.731	1.577.038.731	3.231.842.041	3.231.842.041
Phải trả người bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất	467.081.146	467.081.146	188.010.340	188.010.340
Cộng	2.044.119.877	2.044.119.877	3.419.852.381	3.419.852.381

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

Công ty Cổ phần Testco	18.070.000	18.070.000	155.019.500	155.019.500
Cộng	18.070.000	18.070.000	155.019.500	155.019.500

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/6/2018	31/12/2017
Người mua vật liệu xây dựng trả tiền trước	13.542.100	22.960.000
Người mua bê tông trả tiền trước	12.753.727.389	5.255.102.208
Khách hàng thi công công trình xây dựng trả tiền trước	39.552.793.347	30.272.958.799
Khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí trả tiền trước	-	-
Khách hàng thi công cơ giới trả tiền trước	7.800.000	7.800.000
Người mua chuyển nhượng quyền sử dụng đất trả tiền trước	2.476.411.500	7.160.306.500
Cộng	54.804.274.336	42.719.127.507

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	Thoái vốn	30/6/2018
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	3.050.371.716	8.834.304.829	8.832.839.350	78.464.710	2.973.372.485
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.670.628.173	2.670.628.173	-	-
Thuế hàng nhập khẩu	-	63.641.568	63.641.568	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.937.052.137	9.477.105.524	8.238.169.768	-	8.175.987.893
Thuế thu nhập cá nhân	8.247.658	2.548.367.781	3.048.965.562	-	(492.350.123)
Thuế thu nhập cá nhân phải thu (*)	(89.903.776)	662.534.855	1.200.184.304	-	(627.553.225)
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	98.151.434	1.885.832.926	1.848.781.258	-	135.203.102
Các loại thuế khác	308.726.514	185.103.580	185.103.580	308.726.514	-
Thuế môn bài	-	20.000.000	20.000.000	-	-
Thuế đất	-	163.414.120	163.414.120	-	-
Các khoản tiền phạt	308.726.514	1.689.460	1.689.460	308.726.514	-
Cộng	10.304.398.025	23.779.151.455	23.039.348.001	387.191.224	10.657.010.255

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	89.903.776	627.553.225
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.394.301.801	11.284.563.480

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

- Thuế suất áp dụng :

- + Thuế suất 5% : Hoạt động thi công đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp

- + Thuế suất 10% : Hoạt động khác

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

- Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo qui định hiện hành.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2018	31/12/2017
Phải trả gia công sản phẩm cơ khí	661.000.568	212.650.231
Giá vốn ước tính của các dự án bất động sản	34.885.212.503	42.891.392.422
Chi phí thi công công trình xây dựng	2.722.344.828	5.987.883.371
Chi phí lãi vay phải trả	340.167.181	316.383.055
Các chi phí phải trả khác	453.752.762	358.231.332
Cộng	39.062.477.842	49.766.540.411

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Doanh thu chưa thực hiện hợp đồng thi công xây dựng	3.170.909.091	-
Doanh thu thu tiền trước bán đất nền	-	24.021.714.199
Cộng	3.170.909.091	24.021.714.199

20. Phải trả khác

a) Ngắn hạn	2.147.696.721	13.654.312.365
Kinh phí công đoàn	65.122.713	92.227.933
Các khoản bảo hiểm phải nộp	-	23.341.896
Thủ lao HĐQT	113.788.731	81.688.731
Thuế TNCN	5.967.802	5.967.802
Phải trả về cổ phần hóa	176.790.020	176.790.020
Công ty Cổ phần Testco (*)	13.186.591	13.186.591
Công ty Cổ phần 6.3	661.371.536	1.695.939.950
Hoa hồng bán hàng	484.779.174	484.779.174
Cổ tức	35.960.800	102.000.000
Thu trước tiền bán cổ phần tại công ty con	-	10.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	49.000.000	-
Các khoản phải trả khác	541.729.354	978.390.268
b) Dài hạn	427.000.000	225.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	427.000.000	225.000.000
Cộng	2.574.696.721	13.879.312.365

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

Thù lao HĐQT	66.688.731	66.688.731
Thuế TNCN	5.967.802	5.967.802
Hoa hồng bán hàng	484.779.174	484.779.174
Phải trả về cổ phần hóa	176.790.020	176.790.020
Công ty Cổ phần Testco (*)	13.186.591	13.186.591
Cộng	747.412.318	747.412.318

Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan

Công ty Cổ phần Testco (*)	13.186.591	13.186.591
----------------------------	------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

21. Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2018		Trong kỳ		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	150.312.816.946	150.312.816.946	216.194.490.622	(198.626.407.589)	132.744.733.913	132.744.733.913
	108.560.256.786	108.560.256.786	195.629.464.042	(192.133.539.009)	105.064.331.753	105.064.331.753
	108.560.256.786	108.560.256.786	195.629.464.042	(192.133.539.009)	105.064.331.753	105.064.331.753
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (i)</i>	31.259.949.551	31.259.949.551	25.477.359.411	(20.019.527.538)	25.802.117.678	25.802.117.678
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bé tông TICCOCO (ii)</i>	77.300.307.235	77.300.307.235	170.152.104.631	(169.452.600.000)	76.600.802.604	76.600.802.604
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Xây dựng TICCOCO</i>	-	-	-	(2.661.411.471)	2.661.411.471	2.661.411.471
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	30.662.810.160	30.662.810.160	20.162.526.580	(6.492.868.580)	16.993.152.160	16.993.152.160
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả	3.566.000.000	3.566.000.000	3.147.000.000	(419.000.000)	838.000.000	838.000.000
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (iii)</i>	3.566.000.000	3.566.000.000	3.147.000.000	(419.000.000)	838.000.000	838.000.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả	10.257.060.160	10.257.060.160	3.766.526.580	(6.073.868.580)	12.564.402.160	12.564.402.160
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (iv)</i>	6.533.359.000	6.533.359.000	1.904.676.000	(4.212.018.000)	8.840.701.000	8.840.701.000
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bé tông TICCOCO (v)</i>	3.723.701.160	3.723.701.160	1.861.850.580	(1.861.850.580)	3.723.701.160	3.723.701.160
Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang đến hạn trả	16.839.750.000	16.839.750.000	13.249.000.000	-	3.590.750.000	3.590.750.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	30/6/2018		Trong kỳ		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (vii)</i>	16.839.750.000	16.839.750.000	13.249.000.000	-	3.590.750.000	3.590.750.000
Vay dài hạn cá nhân đến hạn trả (viii)	11.089.750.000	11.089.750.000	402.500.000	-	10.687.250.000	10.687.250.000
Dài hạn	123.162.806.269	123.162.806.269	21.520.682.500	(15.022.400.000)	116.664.523.769	116.664.523.769
b) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	76.394.704.749	76.394.704.749	19.333.209.080	(15.022.400.000)	72.083.895.669	72.083.895.669
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (iii)</i>	16.926.266.400	16.926.266.400	13.719.266.400	(145.000.000)	3.352.000.000	3.352.000.000
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bê tông TICC0 (iv)</i>	59.468.438.349	59.468.438.349	5.613.942.680	(14.877.400.000)	68.731.895.669	68.731.895.669
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang	6.117.351.520	6.117.351.520	(3.766.526.580)	-	9.883.878.100	9.883.878.100
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (v)</i>	2.083.337.000	2.083.337.000	(1.904.676.000)	-	3.988.013.000	3.988.013.000
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bê tông TICC0 (vi)</i>	4.034.014.520	4.034.014.520	(1.861.850.580)	-	5.895.865.100	5.895.865.100
Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang	30.555.750.000	30.555.750.000	(2.048.000.000)	-	32.603.750.000	32.603.750.000
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (vii)</i>	30.555.750.000	30.555.750.000	(2.048.000.000)	-	32.603.750.000	32.603.750.000
Vay dài hạn cá nhân (viii)	10.095.000.000	10.095.000.000	8.002.000.000	-	2.093.000.000	2.093.000.000
Tổng cộng	273.475.623.215	273.475.623.215	237.715.173.122	(213.648.807.589)	249.409.257.682	249.409.257.682

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có các khoản vay có chi tiết như sau:

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/433488/HĐTD ngày 30 tháng 11 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng đến hết ngày 17 tháng 10 năm 2018 và từ 6 tháng đến 8 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất áp dụng là 8%/năm (năm 2017: từ 6%/năm đến 8%/năm). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng và gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi và thi công các công trình. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (xem Thuyết minh số VIII.1), tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 463.956.774 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5.461.950.890 VND) (xem Thuyết minh số V.10), toàn bộ số dư tiền ngân hàng (xem Thuyết minh số V.1) và quyền đòi nợ (khoản phải thu) (xem Thuyết minh số V.3) để thế chấp cho khoản vay này.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2017/433488/HĐBL ngày 30 tháng 11 năm 2017 được sửa đổi theo Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 02/2017/433488/HĐBL ngày 20 tháng 12 năm 2017 với hạn mức bảo lãnh là 194.000.000.000 VND, thời hạn bảo lãnh đến ngày 17 tháng 10 năm 2018. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty còn ký quỹ 5%/giá trị bảo lãnh bằng tiền gửi không kỳ hạn của Bên được bảo lãnh hoặc cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho các Hợp đồng cấp bảo lãnh này (xem Thuyết minh số V.1 và số V.2a). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang cho Công ty là 85.080.186.890 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 81.689.434.640 VND).

- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ (công ty con) theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2017/1678922/HĐTD ngày 30 tháng 11 năm 2017. Hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng đến hết ngày 5 tháng 9 năm 2018. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất áp dụng từ 5%/năm đến 6,8%/năm (năm 2017: từ 5%/năm đến 6,8%/năm). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn. Công ty đã sử dụng toàn bộ các tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.10) và quyền sử dụng đất (xem Thuyết minh số V.11), toàn bộ số dư tiền ngân hàng (xem Thuyết minh số V.1) và quyền đòi nợ (khoản phải thu) (xem Thuyết minh số V.3) để đảm bảo cho các khoản vay này.

Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2017/1678922/HĐBL ngày 30 tháng 11 năm 2017 với hạn mức bảo lãnh là 10.000.000.000 VND và thời hạn đến hết ngày 5 tháng 9 năm 2018. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ còn ký quỹ 10% số tiền bảo lãnh khi phát hành thư đảm bảo và 50% giá trị bảo lãnh khi phát hành thư bảo lãnh thanh toán. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang cho Công ty là 3.475.047.195 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2.801.097.608 VND).

- (iii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với chi tiết như sau:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2017/433488/HĐTD ngày 19 tháng 12 năm 2017 với số tiền vay là 4.190.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 60 tháng, không ân hạn. Công ty trả số tiền vay trong 20 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất ưu đãi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8,5%/năm trong 12 tháng kể từ khi giải ngân, sau thời gian ưu đãi lãi suất bằng lãi suất trả sau kỳ hạn 24 tháng đối với khách hàng vay cá nhân + 3,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất thông báo của Ngân hàng từng thời điểm điều chỉnh và không cao hơn lãi suất Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để mua 3 xe trộn bê tông Hyundai HD270. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này, giá trị còn lại của các tài sản thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 5.242.860.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 5.518.800.000 VND) (xem Thuyết minh số V.10). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư khoản vay này là 3.771.000.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 838.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: số dư khoản vay là 4.190.000.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 838.000.000 VND).

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/433488/HĐTD ngày 28 tháng 3 năm 2018 và Văn bản sửa đổi, bổ sung HĐTD ngày 01 tháng 6 năm 2018 với số tiền vay là 2.900.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 60 tháng, không ân hạn. Công ty trả số tiền vay trong 20 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất ưu đãi 9,5%/năm trong 12 tháng kể từ khi giải ngân, sau thời gian ưu đãi lãi suất bằng lãi suất trả sau kỳ hạn 24 tháng + 3,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất thông báo của Ngân hàng từng thời điểm điều chỉnh và không cao hơn lãi suất của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để mua trạm trộn bê tông 120m³/h. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này, giá trị còn lại của các tài sản thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 4.164.891.013 VND (xem Thuyết minh số V.10). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư khoản vay này là 2.755.000.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 580.000.000 VND.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2018/433488/HĐTD ngày 23 tháng 5 năm 2018 với số tiền vay là 8.400.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 84 tháng, không ân hạn. Công ty trả số tiền vay trong 28 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất ưu đãi 9,5%/năm trong 12 tháng kể từ khi giải ngân, sau thời gian ưu đãi lãi suất bằng lãi suất trả sau kỳ hạn 24 tháng + 4%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất thông báo của Ngân hàng từng thời điểm điều chỉnh và không cao hơn lãi suất Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để mua 6 xe trộn bê tông Hyundai HD270. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này, giá trị còn lại của các tài sản thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 10.685.872.728 VND (xem Thuyết minh số V.10). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư khoản vay này là 8.400.000.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 1.200.000.000 VND.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 03/2018/433488/HĐTD ngày 4 tháng 6 năm 2018 với số tiền vay là 2.390.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 60 tháng, không ân hạn. Công ty đã rút vốn vay trong 6 tháng đầu năm 2018 với số tiền là 2.389.844.400 VND, số tiền vay Công ty trả số tiền vay trong 20 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất ưu đãi 9,5%/năm trong 12 tháng kể từ khi giải ngân, sau thời gian ưu đãi lãi suất bằng lãi suất trả sau kỳ hạn 24 tháng + 3,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất thông báo của Ngân hàng từng thời điểm điều chỉnh và không cao hơn lãi suất Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để mua 15 bộ khuôn cọc D500mm x L15.4m, 5 bộ khuôn D600mm x L15.4m và thiết bị gia tốc kèm theo. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này, giá trị còn lại của các tài sản thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 3.490.941.730 VND (xem Thuyết minh số V.10). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư khoản vay này là 2.389.844.400 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 478.000.000 VND.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 04/2018/433488/HĐTD ngày 14 tháng 6 năm 2018 với số tiền vay là 3.300.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 84 tháng, không ân hạn. Công ty đã rút vốn vay trong 6 tháng đầu năm 2018 với số tiền là 3.176.422.000 VND, số tiền vay Công ty trả số tiền vay trong 28 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất ưu đãi 9,5%/năm trong 12 tháng kể từ khi giải ngân, sau thời gian ưu đãi lãi suất bằng lãi suất

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trả sau kỳ hạn 24 tháng + 4%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất thông báo của Ngân hàng từng thời điểm điều chỉnh và không cao hơn lãi suất Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích của khoản vay để mua 1 xe tải hiệu Hyundai HD210 và 1 bơm bê tông Putzmeister. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này, các tài sản này đang trong giai đoạn hoàn thiện có giá trị đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 5.898.168.143 VND (xem Thuyết minh số V.13). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư khoản vay này là 3.176.422.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 470.000.000 VND.

(iv) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ (Công ty con) với chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 04/2015/1678922/HĐTD ngày 22 tháng 12 năm 2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02/2016/1678922/HĐTD ngày 13 tháng 12 năm 2016 với hạn mức 117.000.000.000 VND, thời hạn vay là 6 năm. Mục đích của khoản vay để đầu tư dự án Nhà máy Sản xuất bê tông đúc sẵn và bê tông thương phẩm tại Chi nhánh Bê tông Tân Phước. Khoản vay được ân hạn 12 tháng, lãi vay áp dụng 8%/năm (năm 2017: 8%/năm). Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 49.836.658.925 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 59.087.078.125 VND).
- Hợp đồng tín dụng số 02/2017/1678922/HĐTD ngày 6 tháng 6 năm 2017 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02/2017/1678922/HĐTD ngày 14 tháng 6 năm 2017 với hạn mức 19.317.148.957 VND, thời hạn vay 5 năm. Mục đích của khoản vay để đầu tư dự án Cải tạo xưởng sản xuất cọc ống tại Nhà máy Bê tông TICCÔ Mỹ Tho. Lãi vay áp dụng là 10,5%/năm (năm 2017: 10,5%/năm). Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 9.631.779.424 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 8.397.417.544 VND).

Công ty đã sử dụng toàn bộ các tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.10) và quyền sử dụng đất (xem Thuyết minh số V.11), toàn bộ số dư tiền ngân hàng (xem Thuyết minh số V.1) và quyền đòi nợ (khoản phải thu) (xem Thuyết minh số V.3) để đảm bảo cho các khoản vay này.

(v) Công ty có các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với chi tiết như sau:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0282/15/TD/XXVI ngày 10 tháng 02 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 45.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Công ty đã rút vốn vay trong năm 2015 với số tiền là 25.272.780.000 VND, sau thời gian ân hạn, số tiền vay được trả hàng tháng là 702.003.000 VND. Các khoản vay của Hợp đồng tín dụng này chịu lãi suất từ 10,1%/năm đến 11,5%/năm (năm 2017: 10,2%/năm - 11,5%/năm). Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn thực hiện dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An, thành phố Mỹ Tho (dự án Khu Dân cư Lê Văn Phẩm). Công ty sử dụng các quyền sử dụng đất của dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng để thế chấp cho các khoản vay này (xem Thuyết minh số V.8). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư khoản vay này là 5.616.696.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 5.616.696.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: số dư khoản vay này là 9.828.714.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 8.424.036.000 VND).
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1453/17/TD/XXVI ngày 28 tháng 4 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 7.375.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Công ty đã rút vốn vay trong năm 2017 với số tiền là 3.000.000.000 VND, sau thời gian ân hạn, số tiền vay được trả hàng tháng là 83.333.333 VND. Khoản vay của Hợp đồng tín dụng này chịu lãi suất 10,1%/năm (năm 2017: 10,1%/năm - 11,5%/năm). Mục đích của khoản vay để dự án Đầu tư thiết bị thi công cọc vắn bê tông dự ứng lực. Công ty sử dụng các máy móc thiết bị và các tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này, giá trị còn lại của các tài sản thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 10.958.193.330 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 11.660.374.146 VND) (xem Thuyết minh số V.10). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư khoản vay này là

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3.000.000.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 916.663.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư khoản vay này là 3.000.000.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 416.665.000 VND).

- (vi) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ (công ty con) theo Hợp đồng tín dụng số 2385/15/TD/XXVI ngày 20 tháng 7 năm 2015 với hạn mức là 19.000.000.000 VND, thời hạn vay là 5 năm. Mục đích của khoản vay để đầu tư thiết bị thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng hạ tầng và thiết bị Trạm sản xuất bê tông tươi giai đoạn 1 - đợt 1" (Đầu tư xây dựng hạ tầng và thiết bị Trạm sản xuất bê tông tươi). Khoản vay được trả hàng tháng, lãi vay 7,5%/năm (năm 2017: 7,5%/năm). Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ đã sử dụng các tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay này (xem Thuyết minh số V.10). Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 7.757.715.680 VND, trong đó nợ vay đến hạn trả là 3.723.701.160 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 9.619.566.260 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 3.723.701.160 VND).
- (vii) Khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với chi tiết như sau:
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD ngày 25 tháng 02 năm 2016 với số tiền vay là 80.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất 7,8%/năm (năm 2017: 7,8%/năm). Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn thực hiện dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An, thành phố Mỹ Tho (dự án Khu Dân cư Lê Văn Phẩm). Công ty sử dụng các quyền sử dụng đất của dự án Khu Dân cư Lê Văn Phẩm (xem Thuyết minh số V.8) và 925,9 m² đất tại Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, đang được sử dụng để làm văn phòng làm việc (xem Thuyết minh số V.11), để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư khoản vay này là 7.468.500.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 1.867.125.000 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: số dư khoản vay là 7.468.500.000 VND).
 - Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2/2017/HĐTD ngày 26 tháng 7 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 58.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 36 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Công ty đã rút vốn vay trong kỳ với số tiền là 11.201.000.000 VND, sau thời gian ân hạn, số tiền vay được trả thành 8 kỳ mỗi kỳ 3 tháng. Khoản vay của Hợp đồng tín dụng này chịu lãi suất 7,2%/năm. Mục đích của khoản vay để đầu tư xây dựng đường Nguyễn Trãi nối dài và Khu Dân cư 2 bên đường. Công ty sử dụng các quyền sử dụng đất của dự án Khu Dân cư Lê Văn Phẩm và dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng (xem Thuyết minh số V.8) và 3 xe trộn bê tông mua theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 173/18082017/NP-TG ngày 18 tháng 8 năm 2017 để thế chấp cho khoản vay này, giá trị còn lại của các tài sản thế chấp này tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 5.237.749.992 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5.523.445.452 VND) (xem Thuyết minh số V.10). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, số dư khoản vay này là 39.927.000.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 14.972.625.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư khoản vay này là 28.726.000.000 VND, trong đó số dư nợ vay đến hạn trả là 3.590.750.000 VND).
- (viii) Công ty vay lại các hộ gia đình thuộc diện đền bù, giải tỏa trong dự án Khu Dân cư Nguyễn Trãi với thời hạn từ 15 tháng đến 20 tháng không có trả lãi, quá hạn không thanh toán, lãi suất được tính 6%/năm.

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/6/2018	31/12/2017
Dự phòng phải trả các công trình cơ khí	431.312.269	526.269.451
Dự phòng phải trả các công trình thi công xây dựng	4.431.142.885	5.183.625.894
Cộng	4.862.455.154	5.709.895.345

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm/ kỳ	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (*)	Chi/ sử dụng các quỹ	Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi	Thoái vốn	Số cuối năm/ kỳ
Năm 2017						
Quỹ khen thưởng	1.077.059.531	2.590.451.716	(2.230.343.181)	-	-	1.437.168.066
Quỹ phúc lợi	2.061.601.517	2.590.451.716	(3.521.471.619)	-	-	1.130.581.614
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	39.078.855	-	-	(20.388.960)	-	18.689.895
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.861.195.365	4.677.175.708	(3.808.000.000)	-	-	2.730.371.073
Cộng	5.038.935.268	9.858.079.140	(9.559.814.800)	(20.388.960)	-	5.316.810.648
6 tháng đầu năm 2018						
Quỹ khen thưởng	1.437.168.066	2.785.552.618	(602.000.000)	-	-	3.620.720.684
Quỹ phúc lợi	1.130.581.614	12.070.728.011	(540.628.000)	-	(3.066.362)	12.657.615.263
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	18.689.895	-	-	(10.194.480)	-	8.495.415
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.730.371.073	-	-	-	-	2.730.371.073
Cộng	5.316.810.648	14.856.280.629	(1.142.628.000)	(10.194.480)	(3.066.362)	19.017.202.435

(*) Xem trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế tại Thuyết minh số V.24.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ và năm trước

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
01/01/2017	119.999.070.000	5.700.930.000	36.355.278.439	108.247.712.931	5.336.275.875	275.639.267.245
Lợi nhuận năm 2017	-	-	-	92.851.753.928	(1.024.470.019)	91.827.283.909
Trích lập các quỹ	-	-	8.634.839.054	(18.492.918.194)	-	(9.858.079.140)
Chia cổ tức	-	-	-	(35.999.721.000)	-	(35.999.721.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	55.402.834	-	55.402.834
31/12/2017	119.999.070.000	5.700.930.000	44.990.117.493	146.662.230.498	4.311.805.856	321.664.153.847
01/01/2018	119.999.070.000	5.700.930.000	44.990.117.493	146.662.230.498	4.311.805.856	321.664.153.847
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Thoái vốn công ty con	-	-	(578.302.699)	578.302.699	(4.311.805.856)	(4.311.805.856)
Lợi nhuận trong 6 tháng đầu năm 2018	-	-	-	40.689.301.713	525.161.006	41.214.462.719
Trích lập các quỹ	-	-	18.570.350.786	(33.426.631.415)	-	(14.856.280.629)
Chia cổ tức	11.998.620.000	-	-	(47.998.341.000)	-	(35.999.721.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(409.657.248)	-	(409.657.248)
30/6/2018	131.997.690.000	5.700.930.000	62.982.165.580	106.095.205.248	5.525.161.006	312.301.151.834

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ.DHĐCĐ và được Đại hội đồng cổ đông thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/BB-DHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2018. Trong đó, cổ tức năm 2017 được chia bằng mức 40% vốn điều lệ tỷ lệ bao gồm cổ tức chi trả bằng tiền bằng 30% vốn điều lệ với số tiền là 35.999.721.000 VND và cổ tức chi trả bằng cổ phiếu bằng 10% vốn điều lệ với số tiền là 11.998.620.000 VND, Công ty đã đăng ký phát hành thêm 1.199.862 cổ phiếu tương ứng với vốn điều lệ tăng lên là 11.998.620.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	30/6/2018	31/12/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.199.769	11.999.907
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.769	11.999.907
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.769</i>	<i>11.999.907</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.769	11.999.907
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.769</i>	<i>11.999.907</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

25. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất*Ngoại tệ các loại*

	Đơn vị tính	30/6/2018	31/12/2017
Đô la Mỹ	USD	612,35	15.972,35
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	3.463,10	3.462,93

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**Đơn vị tính: VND****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Tổng doanh thu	422.957.442.757	423.590.645.373
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	20.214.084.959	3.081.231.278
Doanh thu bán bê tông	301.243.025.132	293.261.015.189
Doanh thu thi công công trình xây dựng	65.617.864.017	82.205.629.459
Doanh thu gia công sản phẩm cơ khí	2.522.564.890	63.442.727
Doanh thu thi công cơ giới	-	1.026.872.876
Doanh thu kinh doanh bất động sản	33.359.903.759	43.952.453.844
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.777.356.364	-
Giảm giá hàng bán	3.777.356.364	-
Doanh thu thuần	419.180.086.393	423.590.645.373

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	15.736.300.137	222.085.506
Giá vốn bán bê tông	238.765.390.848	226.078.883.229
Giá vốn thi công công trình xây dựng	55.708.282.424	75.778.267.728
Giá vốn gia công sản phẩm cơ khí	705.473.997	54.523.148
Giá vốn thi công cơ giới	-	109.305.406
Giá vốn kinh doanh bất động sản	4.673.949.808	6.493.634.102
Cộng	315.589.397.214	308.736.699.119

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	3.934.019.182	5.634.402.166
Lãi chuyển nhượng công ty con	1.288.866.896	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	6.735.255
Cộng	5.222.886.078	5.641.137.421

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	7.312.640.707	2.933.409.961
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.386.327	-
Cộng	7.314.027.034	2.933.409.961

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	5.083.936.933	5.142.841.618
Chi phí vật liệu, bao bì	11.264.858.987	8.920.399.247
Chi phí dụng cụ đồ dùng	-	1.081.818
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.264.287.129	3.073.132.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.451.371.048	13.215.445.405
Chi phí bằng tiền khác	1.305.439.628	1.548.749.445
Cộng	36.369.893.725	31.901.650.105

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	7.344.558.656	8.728.444.906
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	542.231.041	383.547.829
Chi phí dụng cụ quản lý	453.344.745	367.085.732
Chi phí khấu hao	571.651.228	444.436.643
Thuế phí và lệ phí	838.461.744	661.148.747
(Hoàn nhập) Chi phí dự phòng	(119.434.064)	4.726.401.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	612.348.518	516.010.752
Chi phí bằng tiền khác	3.716.022.535	3.979.786.652
Cộng	13.959.184.403	19.806.863.221

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Lợi nhuận (lỗ) khác**

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	452.156.329	-
Hoàn nhập chi bảo hành công trình xây dựng	1.034.344.800	234.695.297
Thu tiền tiền phạt vi phạm hợp đồng	13.000.000	96.320.055
Thu tiền điện, nước kiot cho thuê	65.143.332	-
Thu nhập khác	138.081.481	3.927.989
Cộng	1.702.725.942	334.943.341
Chi phí khấu hao của TSCĐ không hoạt động và phân bổ CCDC chưa sử dụng	31.892.646	1.172.919.308
Chi phí điện, tiền nước kiot cho thuê	64.855.513	-
Chi phí khác	104.364.153	170.225.230
Cộng	201.112.312	1.343.144.538
Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động khác	1.501.613.630	(1.008.201.197)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52.716.150.523	64.894.951.735
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	(568.814.122)	4.916.530.624
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.356.080.460	5.890.933.659
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.924.894.582)	(974.403.035)
Trừ: Chuyển lỗ	(934.154.328)	-
Thu nhập chịu thuế	51.213.182.073	69.811.482.359
Trong đó:		
Lỗ không tính thuế trong kỳ	-	(1.952.286.104)
Thu nhập không tính thuế trong kỳ	(1.008.960.923)	-
Thu nhập chịu thuế trong năm của hoạt động không ưu đãi	35.663.123.583	18.357.847.338
Thu nhập chịu thuế trong kỳ của hoạt động ưu tại huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	5.445.685.459	13.141.848.684
Thu nhập chịu thuế trong kỳ của hoạt động ưu đãi tại Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	11.113.333.954	14.804.805.227
Thu nhập chịu thuế điều chỉnh năm 2016	-	731.590.218
Thu nhập chịu thuế điều chỉnh năm 2014 và 2015	-	3.146.953.086
Thu nhập chịu thuế điều chỉnh năm 2011, 2012 và 2013	-	21.580.723.910
Thuế suất áp dụng		
Thuế suất áp dụng hoạt động ưu đãi tại huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	10%	10%
Thuế suất áp dụng hoạt động ưu đãi tại Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	15%	15%
Thuế suất phổ thông từ năm 2016 trở đi	20%	20%

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Thuế suất phổ thông năm 2014 và năm 2015	22%	22%
Thuế suất phổ thông từ năm 2011 đến năm 2013	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.344.193.357	13.440.303.820
Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	(544.568.546)	(1.314.184.869)
Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(1.110.360.392)
Cộng: Bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	964.536.805	-
Cộng: Chênh lệch thuế tạm nộp 1% trên số tiền thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong năm	(287.056.092)	111.862.456
Cộng: Thuế tạm nộp 1% trên số tiền thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất bổ sung năm trước	-	409.284.346
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.477.105.524	11.536.905.361

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Khu Công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOC (công ty con), Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOC được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2007) và 20% trong những năm tiếp theo. Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOC được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (từ năm 2008 đến năm 2010) và được giảm 50% trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2011 đến năm 2017). Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 thuộc năm thứ 8, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOC chịu thuế suất áp dụng là 15%.
- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Chi nhánh Bê Tông Tân Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOC (công ty con) và Công ty TNHH MTV Cọc TICCOC (công ty con cấp 2), Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOC và Công ty TNHH MTV Cọc TICCOC được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2017) và 20% trong những năm tiếp theo. Công ty TNHH MTV Cọc TICCOC được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (từ năm 2017 đến năm 2020) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029). Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 là thuộc năm thứ 2 Chi nhánh Bê Tông Tân Phước của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOC và Công ty TNHH MTV Cọc TICCOC có lãi nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh ngoài Khu Công nghiệp Mỹ Tho và huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang và thu nhập khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.
- Đối với các dự án kinh doanh bất động sản (bán nền đất) chưa hoàn thành, Công ty tạm trích thuế thu nhập doanh nghiệp trên 1% số tiền tạm thu được trong kỳ theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Lãi trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế	40.689.301.713	53.149.059.348
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.441.358.103)	(3.188.943.561)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	38.247.943.610	49.960.115.787
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.072.827	11.999.907
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.168	4.163

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	38.247.943.610	49.960.115.787
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	38.247.943.610	49.960.115.787
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.072.827	11.999.907
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	12.072.827	11.999.907
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.168	4.163

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	289.401.804.860	255.333.862.240
Chi phí nhân viên	37.992.685.895	43.901.135.662
Chi phí khấu hao	15.160.562.982	9.688.481.136
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.391.309.739	26.926.159.427
Chi phí bằng tiền khác	12.899.156.944	20.374.829.261
Cộng	392.845.520.420	356.224.467.726

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	1.882.594.833	1.371.354.783
Tài sản cố định đã được mua sắm/ xây dựng từ tiền đã trả năm trước	737.603.000	461.820.000
Phải trả tiền mua sắm/ xây dựng tài sản cố định	5.425.674.050	1.689.829.370
Nhượng bán công ty con đã thu năm trước	10.000.000.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	340.167.181	170.041.325
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	11.998.620.000	-
Cổ tức đã tạm ứng ở năm trước	11.999.879.000	-
Cổ tức phải trả	35.932.800	-

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Trả trước tiền mua sắm/ xây dựng tài sản cố định	5.527.100.000	72.727.273
Tiền mua sắm, xây dựng tài sản phải trả năm trước đã trả trong kỳ	5.948.920.376	-
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong kỳ	1.890.049.492	2.049.964.243
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong kỳ	316.383.055	187.547.303

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	30/6/2018	31/12/2017
Trong vòng 1 năm	1.071.379.301	1.249.245.711
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	4.285.517.204	4.996.982.844
Trên 5 năm	34.744.595.040	41.687.428.241
Cộng	40.101.491.545	47.933.656.796

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất, thuê bến bãi theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê đất số 2166/HĐTD ngày 23 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 21.482,4 m² đất tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để làm trụ sở hoạt động kinh doanh của Công ty, thời hạn thuê là từ ngày 25 tháng 11 năm 2008 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047, tiền thuê đất hàng năm là 322.012.471 VND.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang đã thế chấp quyền sử dụng đất tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để đảm bảo cho các khoản vay

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.21).

- Hợp đồng thuê đất số 1701/HĐTD ngày 24 tháng 4 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 1.822,3 m² đất tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cho hoạt động kinh doanh của Công ty, thời hạn thuê là từ ngày 22 tháng 3 năm 2017 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047, tiền thuê đất hàng năm là 4.236.848 VND.
- Hợp đồng thuê đất số 5125/HĐTD ngày 15 tháng 12 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 118.574,5 m² đất tại ấp 4, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang để xây dựng nhà máy sản xuất bê tông, thời hạn thuê là từ ngày 27 tháng 10 năm 2015 đến ngày 27 tháng 10 năm 2065. Tiền thuê đất hàng năm là 249.006.450 VND, Công ty được miễn tiền thuê đất từ ngày 15 tháng 6 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2028.
- Hợp đồng thuê lại đất số 01/HĐ/TLĐ ngày 15 tháng 11 năm 2003, Phụ lục hợp đồng ngày 15 tháng 11 năm 2003, Phụ lục số 01 ngày 18 tháng 11 năm 2004 và Phụ lục số 02 ngày 28 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con) với Công ty Phát triển Hạ tầng các Khu Công nghiệp Tiền Giang về việc thuê 37.805 m² đất thuộc lô đất số 1-6 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, thời hạn thuê là 44 năm bắt đầu từ ngày 15 tháng 11 năm 2003, đơn giá thuê là 0,6 USD/ m²/ năm.
- Hợp đồng thuê bãi số 38/HĐ.BB ngày 19 tháng 7 năm 2006 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 28 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (công ty con) với Công ty Phát triển hạ tầng các Khu Công nghiệp Tiền Giang về việc thuê 9.721 m² đất có chiều dài cập theo bờ sông Tiền 13 m và kênh Xáng Cụt là 355 m trong Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, tỉnh Tiền Giang, thời hạn thuê là 40 năm bắt đầu từ ngày 19 tháng 7 năm 2006, đơn giá thuê là 1 USD/m²/năm.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Testco

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty có phát sinh nghiệp vụ với Công ty Cổ phần Testco như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Thuê thí nghiệm vật liệu	317.442.273	463.132.909
Nhận cổ tức	36.400.000	26.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có số dư với Công ty Cổ phần Testco như sau:

	30/6/2018	31/12/2017
Phải trả tiền thuê thí nghiệm	18.070.000	155.019.500
Phải trả khác	13.186.591	13.186.591

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Lương, thưởng và phụ cấp	6.006.555.217	4.430.748.960
Cộng	6.006.555.217	4.430.748.960

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Thông tin bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 6 bộ phận theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất, kinh doanh bê tông; Thi công công trình; Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí; Thi công cơ giới và Kinh doanh bất động sản. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 6 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 6 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh vật liệu xây dựng: Đây là hoạt động kinh doanh chính của Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng (xí nghiệp trực thuộc) và Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCOCO (công ty con cấp 1 từ ngày 4 tháng 4 năm 2018);
- Bộ phận sản xuất, kinh doanh bê tông: Sản xuất, kinh doanh bê tông tươi, bê tông đúc sẵn; đóng, ép cọc bê tông cốt thép các loại bằng máy thủy lực. Đây là hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOCO (công ty con cấp 1) và Công ty TNHH MTV Cọc TICCOCO (công ty con cấp 2).
- Bộ phận thi công công trình: Chủ yếu thi công công trình xây dựng thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh chính Công ty; Công ty Cổ phần Xây dựng TICCOCO (công ty con cấp 1); Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCOCO (công ty con cấp 1) và Cổ phần Đầu tư, Xây dựng TICCOCO An Giang (công ty con trước ngày 5 tháng 4 năm 2018);
- Bộ phận sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí: Chủ yếu sản xuất, gia công cửa cống cho công trình thủy lợi. Đây là hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCOCO (công ty con cấp 1);
- Bộ phận thi công cơ giới: Chủ yếu cho thuê máy móc thi công công trình thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh chính của Xí nghiệp Thi công cơ giới (xí nghiệp trực thuộc trước ngày 8 tháng 3 năm 2018);
- Bộ phận kinh doanh bất động sản: Chủ yếu thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các khu dân cư; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông. Đây là một bộ phận kinh doanh của Công ty và là hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sàn Giao dịch Bất động sản TICCOCO (TICCOCOReal).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Sản xuất, kinh doanh bé tổng	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thị công cơ trình xây dựng	Thị công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phần	Loại trừ số dư giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
30/6/2018										
Tài sản										
Tài sản bộ phận	24.616.390.847	464.949.269.019	18.572.512.919	138.660.686.339	3.000.000.000	93.186.803.823		742.985.662.947	(248.060.610.226)	494.925.052.721
Tài sản không phần bổ	-	-	-	-	-	-	470.015.283.167	470.015.283.167	(104.504.355.018)	365.510.928.149
Tổng tài sản	24.616.390.847	464.949.269.019	18.572.512.919	138.660.686.339	3.000.000.000	93.186.803.823	470.015.283.167	1.213.000.946.114	(352.564.965.244)	860.435.980.870
Nợ phải trả										
Nợ phải trả bộ phần	16.522.550.829	430.319.817.366	7.231.518.774	126.460.018.088	7.800.000	49.068.216.828		629.609.921.885	(236.581.622.678)	393.028.299.207
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	155.106.529.829	155.106.529.829	-	155.106.529.829
Tổng nợ phải trả	16.522.550.829	430.319.817.366	7.231.518.774	126.460.018.088	7.800.000	49.068.216.828	155.106.529.829	784.716.451.714	(236.581.622.678)	548.134.829.036
31/12/2017										
Tài sản										
Tài sản bộ phận	26.117.402.439	459.830.756.794	14.195.543.078	161.357.063.855	4.586.599.064	73.181.396.220		739.268.761.450	(236.454.556.083)	502.814.205.367
Tài sản không phần bổ	-	-	-	-	-	-	474.212.720.413	474.212.720.413	(116.076.138.459)	358.136.581.954
Tổng tài sản	26.117.402.439	459.830.756.794	14.195.543.078	161.357.063.855	4.586.599.064	73.181.396.220	474.212.720.413	1.213.481.481.863	(352.530.694.542)	860.950.787.321
Nợ phải trả										
Nợ phải trả bộ phần	12.809.161.929	381.830.756.794	8.580.804.561	162.188.510.537	1.017.376.762	80.246.907.819		646.673.518.402	(226.051.160.754)	420.622.357.648
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	118.664.275.826	118.664.275.826	-	118.664.275.826
Tổng nợ phải trả	12.809.161.929	381.830.756.794	8.580.804.561	162.188.510.537	1.017.376.762	80.246.907.819	118.664.275.826	765.337.794.228	(226.051.160.754)	539.286.633.474

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Sản xuất, kinh doanh bề tổng	Thi công công trình xây dựng	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bộ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phần	Tổng cộng các bộ phần sau hợp nhất
Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018										
Doanh thu thuần bộ phận	45.827.340.042	319.108.295.107	136.211.935.910	16.552.589.450	120.677.118	33.359.903.759	-	551.180.741.386	(132.000.654.993)	419.180.086.393
Giá vốn bộ phận	41.473.486.701	256.276.546.334	130.365.939.991	14.718.115.908	155.949.182	4.673.949.808	-	447.663.987.924	(132.074.590.710)	315.589.397.214
Chi phí bán hàng	2.887.605.052	33.023.553.490	-	-	-	458.735.183	-	36.369.893.725	-	36.369.893.725
Chi phí quản lý doanh nghiệp	429.495.316	5.879.101.826	6.672.669.450	694.331.881	165.000	285.966.103	-	13.961.729.576	(2.545.173)	13.959.184.403
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	1.036.752.973	23.929.093.457	(826.673.531)	1.140.141.661	(35.437.064)	27.941.252.665	-	53.185.130.161	76.480.890	53.261.611.051
Doanh thu hoạt động tài chính	747.836	1.617.887.901	5.296.135	828.305	22.624	296.510	24.632.645.845	26.257.725.156	(21.034.839.078)	5.222.886.078
Chi phí tài chính	130.748.360	6.021.938.988	38.273.792	-	-	-	1.490.211.738	7.681.172.878	(367.145.844)	7.314.027.034
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	44.066.798	44.066.798
Thu nhập khác	-	138.080.606	1.284.405.495	202.096.509	-	78.143.332	-	1.702.725.942	-	1.702.725.942
Chi phí khác	-	59.370.422	57.096.806	4.030.058	-	80.615.026	-	201.112.312	-	201.112.312
Lợi nhuận trước thuế	906.752.449	19.603.752.554	367.657.501	1.339.036.417	(35.414.440)	27.939.077.481	23.142.434.107	73.263.296.069	(20.547.145.546)	52.716.150.523
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	122.781.964	2.349.266.624	590.089.798	271.013.294	-	6.143.953.844	-	9.477.105.524	-	9.477.105.524
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	287.056.092	1.530.165.584	1.817.221.676	207.360.604	2.024.582.280
Lợi nhuận sau thuế	783.970.485	17.254.485.930	(222.432.297)	1.068.023.123	(35.414.440)	21.508.067.545	21.612.268.523	61.968.968.869	(20.754.506.150)	41.214.462.719

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017									
Kinh doanh vật liệu xây dựng	Sản xuất, kinh doanh bê tông	Thi công công trình xây dựng	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bộ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phần	Tổng cộng các bộ phần sau hợp nhất
Doanh thu thuần bộ phận	22.453.313.408	314.148.395.770	153.214.535.536	11.801.649.958	3.834.104.715	43.952.453.844	-	549.404.453.231	423.590.645.373
Giá vốn bộ phận	19.261.371.539	247.388.004.611	146.835.631.633	10.649.116.328	3.351.626.699	6.493.634.102	-	433.979.384.912	308.736.699.119
Chi phí bán hàng	1.936.438.888	29.448.102.225	-	-	-	517.108.992	-	31.901.650.105	31.901.650.105
Chi phí quản lý doanh nghiệp	347.302.922	6.419.658.926	11.028.694.366	503.240.680	301.475.810	1.206.490.517	-	19.806.863.221	19.806.863.221
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	908.200.059	30.892.630.008	(4.649.790.463)	649.292.950	181.002.206	35.735.220.233	-	63.716.554.993	63.145.432.928
Doanh thu hoạt động tài chính	453.130	2.776.979.897	51.766.392	897.485	195.955	375.502	35.037.704.839	37.868.373.200	5.641.137.421
Chi phí tài chính	173.247.692	2.372.643.674	118.945.715	-	-	-	391.482.532	(122.909.652)	2.933.409.961
Phản lai hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	238.623.285	-	-	-	49.992.544	49.992.544
Thu nhập khác	-	-	-	1	-	96.320.055	-	334.943.341	334.943.341
Chi phí khác	190.577	24.314.016	1.308.189.883	6.004.725	-	4.445.337	-	1.343.144.538	1.343.144.538
Lợi nhuận trước thuế	735.214.920	31.272.652.215	(5.786.536.384)	644.185.711	181.198.161	35.827.470.453	34.646.222.307	(32.625.455.648)	64.894.951.735
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.460.401.615	622.054.548	130.038.087	-	9.324.411.111	-	11.536.905.361	11.536.905.361
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	735.214.920	29.157.943.708	(6.198.615.740)	514.147.624	181.198.161	26.667.088.962	34.194.248.037	(32.534.876.692)	52.716.348.980

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra ở 2 khu vực là tỉnh An Giang và tỉnh Tiền Giang;

- Hoạt động kinh doanh tại tỉnh An Giang là hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCOT An Giang (công ty con cấp 1 trước ngày 5 tháng 4 năm 2018);
- Hoạt động kinh doanh tại tỉnh Tiền Giang là hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, Xí nghiệp trực thuộc, các công ty con cấp 1 (Công ty TNHH MTV Bé tông TICCOT, Công ty Cổ phần Xây dựng TICCOT, Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCOT, Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCOT và Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng TICCOT) và công ty con cấp 2 (Công ty TNHH MTV Cọc TICCOT).

Dưới đây là phần tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018		Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	
Doanh thu thuần khu vực địa lý	Loại trừ giao dịch nội bộ	Doanh thu thuần khu vực địa lý	Doanh thu thuần khu vực địa lý sau hợp nhất
		6.390.223.302	5.694.193.302
		543.014.229.929	417.896.452.071
		549.404.453.231	423.590.645.373
Tỉnh An Giang	-	-	-
Tỉnh Tiền Giang	551.180.741.386	(132.000.654.993)	419.180.086.393
Công	551.180.741.386	(132.000.654.993)	419.180.086.393

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

Giá trị còn lại của tài sản theo khu vực địa lý				
30/6/2018			31/12/2017	
Số dư tài sản khu vực địa lý	Loại trừ số dư nội bộ	Số dư tài sản khu vực địa lý sau hợp nhất	Số dư tài sản khu vực địa lý	Số dư tài sản khu vực địa lý sau hợp nhất
-	-	-	4.833.211.906	(722.138.818)
306.461.385.676	(12.431.460.357)	294.029.925.319	188.919.340.547	(5.459.561.502)
306.461.385.676	(12.431.460.357)	294.029.925.319	193.752.552.453	(6.181.700.320)
Tỉnh An Giang				4.111.073.088
Tỉnh Tiền Giang				183.459.779.045
Cộng				187.570.852.133

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tăng tài sản cố định					
	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018			Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017		
	Tăng tài sản theo khu vực địa lý	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tăng tài sản theo khu vực địa lý sau hợp nhất	Tăng tài sản theo khu vực địa lý	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tăng tài sản theo khu vực địa lý sau hợp nhất
Tỉnh An Giang	-	-	-	-	-	-
Tỉnh Tiền Giang	138.607.017.819	(12.682.680.494)	125.924.337.325	15.356.985.574	-	15.356.985.574
Cộng	138.607.017.819	(12.682.680.494)	125.924.337.325	15.356.985.574	-	15.356.985.574

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số V.21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2018	31/12/2017
Các khoản vay	273.475.623.215	249.409.257.682
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(128.544.909.316)	(130.922.245.694)
Nợ thuần	144.930.713.899	118.487.011.988
Vốn chủ sở hữu	306.775.990.828	317.352.347.991
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	47%	37%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.6.

Các loại công cụ tài chính

	30/6/2018		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	128.544.909.316	128.544.909.316	130.922.245.694	130.922.245.694
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	34.288.910.410	34.288.910.410	60.495.118.187	60.495.118.187
Phải thu của khách hàng	132.977.443.936	132.977.443.936	154.836.147.549	154.836.147.549
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	2.778.172.636	2.778.172.636	3.052.783.288	3.052.783.288
Phải thu khác	6.035.747.952	6.035.747.952	18.181.209.818	18.181.209.818
Cộng	304.625.184.250	304.625.184.250	367.487.504.536	367.487.504.536

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	30/6/2018		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	126.583.421.014	126.583.421.014	114.346.991.599	114.346.991.599
Chi phí phải trả	38.995.977.842	38.995.977.842	49.756.040.411	49.756.040.411
Phải trả khác	2.389.817.475	2.389.817.475	13.508.358.705	13.508.358.705
Các khoản vay	273.475.623.215	273.475.623.215	249.409.257.682	249.409.257.682
Cộng	441.444.839.546	441.444.839.546	427.020.648.397	427.020.648.397

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay, hoạt động đầu tư hợp tác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

kinh doanh và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có ảnh hưởng của rủi ro lãi suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2018	31/12/2017
Tài sản tài chính	144.963.185.912	156.232.500.429
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	144.963.185.912	156.232.500.429
Nợ phải trả tài chính	273.475.623.215	249.409.257.682
Các khoản vay	273.475.623.215	249.409.257.682
Tài sản (nợ phải trả) tài chính thuần	(128.512.437.303)	(93.176.757.253)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ sẽ giảm/tăng tương ứng là 1.285.124.373 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 931.767.573 VND).

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa (vật liệu xây dựng) và bất động sản sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro về giá cả bất động sản

Hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty chủ yếu là đầu tư các dự án khu dân cư thuộc tỉnh Tiền Giang, nên phụ thuộc nhiều vào thị trường bất động sản. Trong kỳ, tình hình kinh doanh bất động sản tuy đã hoạt động sôi động và nhu cầu của nhà đầu tư cũng tăng theo, tuy nhiên hiện tại thị trường có nhiều dự án bất động sản, nhà đầu tư đã thận trọng hơn trong việc lựa chọn, thẩm định các dự án,.... do đó một số dự án bất động sản của Công ty vẫn còn tồn tại ngày kết thúc kỳ kế toán với tổng giá trị 90.100.359.995 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 68.196.553.807 VND), trong đó dự án Khu dân cư Nguyễn Trãi đang trong giai đoạn đền bù giải tỏa với giá trị 70.148.383.410 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 33.957.743.916 VND).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả trước, trả tiền ngay hoặc thanh toán theo tiến độ thực hiện hợp đồng và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
30/6/2018				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	128.544.909.316	-	-	128.544.909.316
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.130.757.779	13.158.152.631	-	34.288.910.410
Phải thu của khách hàng	132.977.443.936	-	-	132.977.443.936
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	2.778.172.636	-	-	2.778.172.636
Phải thu khác	5.926.847.952	108.900.000	-	6.035.747.952
Cộng	291.358.131.619	13.267.052.631	-	304.625.184.250
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	126.583.421.014	-	-	126.583.421.014
Chi phí phải trả	38.995.977.842	-	-	38.995.977.842
Phải trả khác	2.389.817.475	-	-	2.389.817.475
Các khoản vay	150.312.816.946	123.162.806.269	-	273.475.623.215
Cộng	318.282.033.277	123.162.806.269	-	441.444.839.546
Chênh lệch thanh khoản thuần	(26.923.901.658)	(109.895.753.638)	-	(136.819.655.296)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 46-48 Nguyễn Công Bình, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2017				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.922.245.694	-	-	130.922.245.694
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	37.854.563.187	22.640.555.000	-	60.495.118.187
Phải thu của khách hàng	154.836.147.549	-	-	154.836.147.549
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	3.052.783.288	-	-	3.052.783.288
Phải thu khác	18.075.309.818	105.900.000	-	18.181.209.818
Cộng	344.741.049.536	22.746.455.000	-	367.487.504.536
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	114.346.991.599	-	-	114.346.991.599
Chi phí phải trả	49.756.040.411	-	-	49.756.040.411
Phải trả khác	13.508.358.705	-	-	13.508.358.705
Các khoản vay	132.744.733.913	116.664.523.769	-	249.409.257.682
Cộng	310.356.124.628	116.664.523.769	-	427.020.648.397
Chênh lệch thanh khoản thuần	34.384.924.908	(93.918.068.769)	-	(59.533.143.861)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

5. Số liệu so sánh

Một số số liệu của Báo cáo kỳ trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

6. Sự kiện sau ngày 30 tháng 6 năm 2018

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2018, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 thay đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 119.999.070.000 VND lên 131.997.690.000 VND.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2018 yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Tiền Giang, ngày 28 tháng 8 năm 2018



TRẦN HOÀNG HUÂN
Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯỢNG
Kế toán trưởng

LÊ MỸ PHƯỢNG
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo